TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 51/2018/DS - ST Ngày: 21 - 8- 2018 V/v: "Tranh chấp hợp đồng thuê thiết bị xây dựng".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Trung và Ông Lê Phúc Tiếng

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 376/2017/TLST- DS ngày 17/8/2017 về việc " Tranh chấp hợp đồng thuê thiết bị xây dựng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐXXST-DS ngày 17/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2018/QĐHPT ngày 02/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Doanh nghiệp tư nhân T

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn X, C/v: Chủ doanh nghiệp.

Địa chỉ: Đường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Trọng T (Văn bản ủy quyền ngày 21/8/2017)

Địa chỉ: Đường G, khối 6A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu G (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2017, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Trọng T trình bày:

Trong năm 2015 và 2016, Doanh nghiệp tư nhân T (DNTN T) có cho ông Nguyễn Hữu G thuê thiết bị xây dựng nhiều lần, khi cho thuê có lúc ký kết hợp

bằng văn bản, có lúc do tin tưởng nhau nên chỉ giao kết bằng lời nói và thiết bị xây dựng được chuyển đến công trình của ông Nguyễn Hữu G.

Theo phiếu theo dõi vật tư và phần thanh toán ngày 11/11/2016 thì ông Nguyễn Hữu G còn nợ DNTN T tổng số tiền là 167.617.500 đồng, có phần xác nhận của ông Nguyễn Hữu G.

Sau khi thuê thiết bị xây dựng, ông G đã trả cho DNTN T hầu hết số thiết bị đã thuê, còn một số thiết bị có giá trị không đáng kể nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tiền thuê thiết bị mặc dù DNTN T đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Hữu G thanh toán nhưng ông G cố tình lẩn tránh, không chịu thanh toán, nên DNTN T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu G phải thanh toán cho DNTN T số tiền thuê thiết bị xây dựng còn nợ 167.617.500 đồng. Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Về lệ phí giám định chữ ký, chữ viết đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến như sau:

- **Về tố tụng:** Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị:

- Áp dụng các Điều 472, Điều 481 Bộ Luật dân sự 2015

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Doanh nghiệp tư nhân T.

Buộc ông Nguyễn Hữu G phải thanh toán cho DNTN T số tiền thuê tài sản còn nợ là 167.617.500 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu, sáu trăm mười bảy ngàn, năm trăm đồng)

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng thuê tài sản, bị đơn cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu của DNTN T buộc ông Nguyễn Hữu G phải có nghĩa vụ thanh toán cho DNTN T số tiền thuê tài sản còn nợ là 167.617.500đ (Một trăm sáu mươi bảy triệu, sáu trăm mười bảy ngàn, năm trăm đồng) và cung cấp tài liệu chứng cứ là các hợp đồng thuê thiết bị xây dựng và phiếu theo dõi vật tư và phần thanh toán đề ngày 11/11/2016 có nội dung tính đến ngày 30/8/2016 ông Nguyễn Hữu G còn nợ số tiền thuê vật tư là 167.617.500đ có xác nhận có nội dung: " Xác nhận công nợ trên theo phiếu theo dõi này, phần số liệu hai bên sẽ đối chiếu cụ thể nếu có sai sót sẽ điều chỉnh lại. Người xác nhận ký tên Nguyễn Hữu G". Do ông Nguyễn Hữu G thường xuyên vắng nhà nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của ông G được do đó theo yêu cầu của nguyên đơn Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Hữu G; Theo Kết luận giám định số 52/PC54 ngày 11/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận chữ viết đứng tên Nguyễn Hữu G ở góc dưới bên phải của tài liệu cần giám định với các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra. Như vậy đã có đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Hữu G có nợ DNTN T số tiền 167.617.500đ, quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đều xác định sau khi đối chiếu công nợ ông G chưa thanh toán cho DNTN T khoản tiền nào, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của DNTN T là có cơ sở cần chấp nhận.

[3]. Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Do yêu cầu của DNTN T được chấp nhận nên ông Nguyễn Hữu G phải chịu 5.760.000đồng lệ phí giám định chữ ký, chữ viết. DNTN T không phải chịu lệ phí giám định chữ ký, chữ viết được nhận lại 5.760.000đồng tạm ứng lệ phí đã nộp sau khi thu được của ông G là phù hợp quy định tại Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn cụ thể: 167.617.500đ x 5%=8.380.875đ (làm tròn là 8.381.000đ).

DNTN T không phải chịu án phí DSST, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Điều 227; Điều 147; Điều 161; Điều 220; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 472, Điều 473, Điều 474 và Điều 481 Bộ Luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Doanh nghiệp tư nhân T.

Buộc ông Nguyễn Hữu G phải thanh toán cho Doanh nghiệp tư nhân T số tiền thuê tài sản còn nợ là 167.617.500đ (Một trăm sáu mươi bảy triệu, sáu trăm mười bảy ngàn, năm trăm đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án, khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

- Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Ông Nguyễn Hữu G phải chịu 5.760.000đồng lệ phí giám định chữ ký, chữ viết. DNTN T không phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết được nhận lại 5.760.000đồng tạm ứng chi phí đã nộp sau khi thu được của ông Nguyễn Hữu G.

- Về án phí: Ông Nguyễn Hữu G phải chịu 8.381.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Doanh nghiệp tư nhân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 4.190.000đ tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn X đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001113 ngày 16/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND Tp. BMT;
-Chi cục THADS Tp.B;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt